TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **16**/2025/DS-ST*
Ngày 07 tháng 5 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà và bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***:** Ông Nguyễn Lê Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 370/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: Lầu 8, số B N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Gia L**. Chức vụ: Chuyên viên khách hàng (Theo giấy ủy quyền số 159/2024/UQPGDCC ngày 07/10/2024). Địa chỉ liên hệ: Số B Ông Í, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Anh V**, Sinh năm: 1989; Nơi ĐKHKTT: Tổ G, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: K Dũng Sĩ T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 10/06/2022, ông V có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng

với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Ông V dùng thẻ tín dụng được cấp trên để vay 01 khoản tín dụng tiêu dùng với số tiền: 20.000.000 đồng.

Cụ thể:

1/ Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9155:

Sau khi được cấp tín dụng ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 97.774.000 đồng**.**

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 05/02/2024 ông V đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.575.856 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 1.729.054 đồng, lãi: 11.300.506 đồng, P vượt hạn mức: 222.077 đồng và phí khác: 2.038.000 đồng và gốc 43.286.219 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 05/05/2024, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 07/05/2025, ông V còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 56.741.093 đồng

Lãi quá hạn: 25.842.672 đồng

Tổng cộng: 82.583.765 đồng (Bằng chữ: T mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)

Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,50% x 150%)

2/ Đối với thẻ tín dụng số 356480 - 7089:

Sau khi được cấp tín dụng ông V đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng**.**

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 25/01/2024 ông V đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 23.208.891 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 0 đồng, lãi: 4.320.000 đồng, P vượt hạn mức: 0 đồng và phí khác: 560.000 đồng và gốc 18.328.891 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 25/05/2024, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 07/05/2025, ông V còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ : 1.671.111 đồng

Lãi quá hạn: 658.606 đồng

Tổng cộng: 2.329.717 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm mười bảy đồng)

Lãi suất trong hạn: 1,4%/tháng

Lãi suất quá hạn: 2,1%/tháng (1,40% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông Trần Anh V phải trả ngay cho Ngân hàng với thẻ tín dụng quốc tế với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/05/2025 là 84.913.482 đồng (Bằng chữ: T mươi tư triệu, chín trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng) trong đó:

- Các khoảng của thẻ tín dụng:

  Dư nợ : 56.741.093 đồng

  Lãi quá hạn: 25.842.672 đồng

  Tổng cộng: 82.583.765 đồng (Bằng chữ: T mươi hai triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)

  Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

  Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,50% x 150%)

- Các khoảng của vay tiêu dùng:

  Dư nợ : 1.671.111 đồng

  Lãi quá hạn: 658.606 đồng

  Tổng cộng: 2.329.717 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm mười bảy đồng)

- Ông Trần Anh V phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/05/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Anh V đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S gửi đến Toà án. Nên Toà án không hoà giải được các tranh chấp trong vụ án. Tại phiên toà, ông Trần Anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn – ông Trần Anh V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của các Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/06/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Trần Anh V. Sau khi được cấp tín dụng ông V đã dùng thẻ tín dụng được cấp nêu trên để vay một khoản tín dụng tiêu dùng với số tiền là 20.000.000 đồng. Cụ thể,

1/ Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 9155:

Sau khi được cấp tín dụng ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 97.774.000 đồng**.** Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 05/02/2024, ông V đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.575.856 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 1.729.054 đồng, lãi: 11.300.506 đồng, P vượt hạn mức: 222.077 đồng và phí khác: 2.038.000 đồng và gốc 43.286.219 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 05/05/2024, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 07/05/2025, ông V còn nợ ngân hàng số tiền 82.583.765 đồng: Dư nợ: 56.741.093 đồng; Lãi quá hạn: 25.842.672 đồng;

Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,50% x 150%)

2/ Đối với thẻ tín dụng số 356480 - 7089:

Sau khi được cấp tín dụng ông V đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng**.**

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 25/01/2024 ông V đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 23.208.891 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 0 đồng, lãi: 4.320.000 đồng, P vượt hạn mức: 0 đồng và phí khác: 560.000 đồng và gốc 18.328.891 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 25/05/2024, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 07/05/2025, ông V còn nợ ngân hàng số tiền 2.329.717 đồng. Bao gồm: Dư nợ: 1.671.111 đồng; Lãi quá hạn: 658.606 đồng.

Lãi suất trong hạn: 1,4%/tháng

Lãi suất quá hạn: 2,1%/tháng (1,40% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông V vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, ông Trần Anh V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – ông Trần Anh V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/05/2025 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/06/2022 là 84.913.482 đồng. Bao gồm: các khoản nợ của thẻ tín dụng là 82.583.765 đồng, trong đó: Dư nợ: 56.741.093 đồng; Lãi quá hạn: 25.842.672 đồng. Khoản vay tiêu dùng là 2.323.717 đồng, trong đó: Dư nợ: 1.671.111 đồng; Lãi quá hạn: 658.606 đồng và buộc ông Trần Anh V phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/05/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký là có cơ sở. Bị đơn ông Trần Anh V vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày về nội dung tranh chấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Án lệ số 08/2016/AL chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Trần Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Anh V.

Xử:

1. Buộc ông Trần Anh V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/05/2025 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 10/06/2022 là 84.913.482 đồng *(Bằng chữ: T mươi tư triệu, chín trăm mười ba nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng)*. Bao gồm:

- Các khoản nợ của thẻ tín dụng là 82.583.765 đồng, trong đó: Dư nợ: 56.741.093 đồng; Lãi quá hạn: 25.842.672 đồng.

- Các khoản vay tiêu dùng là 2.323.717 đồng, trong đó: Dư nợ: 1.671.111 đồng; Lãi quá hạn: 658.606 đồng;

2. Buộc ông Trần Anh V phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/05/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Anh V phải chịu là 4.245.674 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.691.389 đồng đã nộp theo biên lai thu số 7023 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**